

Bố Trạch, ngày 09 tháng 3 năm 2023

Số: 02/2023/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST - KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V; Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, Quận H, thành phố Hà Nội - Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B – chức vụ giám đốc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – chi nhánh Q.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Đức T – Chức vụ Trưởng phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q. Địa chỉ: 189 Hữu Nghị, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1974 và bà Trần Thị V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q như sau:

+ Lịch trả nợ gốc:

- Ngày 31/03/2023: Trả nợ gốc 200.000.000 đồng.

- Từ tháng 04 đến tháng 12 năm 2023 mỗi tháng trả 200.000.000 đồng, trả vào ngày 25 hàng tháng.

- Từ tháng 01 đến tháng 09 năm 2024 mỗi tháng trả 200.000.000 đồng, trả vào ngày 25 hàng tháng; ngày 25/10/2024 trả 70.000.000 đồng.

+ Lãi vay phải trả trước ngày 31/12/2024: Lãi vay được tính đến ngày 01/03/2023 là: Dư nợ lãi trên nợ gốc trong hạn: 1.030.654.107 VND; dư nợ lãi trên nợ gốc quá hạn: 415.076.760 VND, lãi chậm trả áp dụng với nợ lãi chậm trả 209.211.816 VND và số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V với BIDV Quảng Bình tiếp tục tính từ ngày 02/03/2023 cho đến ngày ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo lịch thanh toán nêu trên thì xem như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ 81, thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình của Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/11621786/HĐBĐ ngày 06/09/2014 được Văn phòng công chứng Trung Sơn chứng nhận số công chứng: 232, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2020.

2.3. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V phải chịu 56.762.471đ (năm mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q số tiền 56.654.000đ theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0002659 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V phải nộp lại số tiền 1.200.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hai đương sự (.....);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng